

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	20.701.492	20.701.492	2.585.578	2.585.578	12,49	12,49
I	Các khoản thu 100%	139.000	139.000	289.005	289.005	207,92	207,92
1	Phí, lệ phí	24.000	24.000	27.222	27.222	113,43	113,43
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	60.000	60.000	261.783	261.783	436,31	436,31
	Thu từ quỹ đất công ích			261.783	261.783		
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	55.000	55.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.053.000	4.053.000	31.033	31.033	0,77	0,77
1	Các khoản thu phân chia	41.000	41.000	25.590	25.590	62,41	62,41
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	11.000	20.000	20.000	181,82	181,82
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.000	5.000	300	300	6,00	6,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	25.000	25.000	5.290	5.290	21,16	21,16
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.012.000	4.012.000	5.443	5.443	0,14	0,14
2.1	Thu tiền sử dụng đất	4.000.000	4.000.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	8.000	8.000	1.843	1.843	23,03	23,03
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	4.000	4.000	3.601	3.601	90,02	90,02
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	390.854	390.854				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	16.118.638	16.118.638	2.265.540	2.265.540	14,06	14,06
	Thu bổ sung có mục tiêu	9.776.638	9.776.638	523.540	523.540	5,36	5,36
1	Thu bổ sung cân đối	6.342.000	6.342.000	1.742.000	1.742.000	27,47	27,47